

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 1887/SCT-TM  
V/v báo cáo nhanh giá một số mặt  
hàng thiết yếu ngày 29/5/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Căn cứ công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 của Bộ Công Thương về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu;

Sở Công Thương Đồng Nai báo cáo nhanh giá cả ngày 29/5/2018 của một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn như sau:

**I. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm:**

| STT | Mặt hàng                         | ĐVT         | Chợ Biên Hòa |                             | Chợ Long Khánh |                             | Chợ Long Thành |                             | Chợ Phụng Lâm |                             |
|-----|----------------------------------|-------------|--------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|
|     |                                  |             | Ngày 29/5    | Tăng, giảm so với ngày 28/5 | Ngày 29/5      | Tăng, giảm so với ngày 28/5 | Ngày 29/5      | Tăng, giảm so với ngày 28/5 | Ngày 29/5     | Tăng, giảm so với ngày 28/5 |
| (1) | (2)                              | (3)         | (4)          | (5)                         | (6)            | (7)                         | (8)            | (9)                         | (10)          | (11)                        |
| 1   | Gạo nếp (loại 1)                 | 1.000 đ/kg  | 30           | 0                           | 18             | 0                           | 19             | 0                           | 18            | 0                           |
| 2   | Gạo tẻ (loại thường)             | 1.000 đ/kg  | 12           | 0                           | 12             | 0                           | 12             | 0                           | 12            | 0                           |
| 3   | Gạo tẻ thơm                      | 1.000 đ/kg  | 15           | 0                           | 18             | 0                           | 18             | 0                           | 18            | 0                           |
| 4   | Thịt heo nạc                     | 1.000 đ/kg  | 95           | 0                           | 65             | 0                           | 70             | 0                           | 80            | 0                           |
| 5   | Thịt heo đùi                     | 1.000 đ/kg  | 75           | 0                           | 65             | 0                           | 60             | 0                           | 80            | 0                           |
| 6   | Thịt heo ba rọi                  | 1.000 đ/kg  | 85           | 0                           | 60             | 0                           | 70             | 0                           | 80            | 0                           |
| 7   | Thịt bò phôi                     | 1.000 đ/kg  | 270          | 0                           | 300            | 0                           | 250            | 0                           | 250           | 0                           |
| 8   | Thịt bò bắp                      | 1.000 đ/kg  | 220          | 0                           | 250            | 0                           | 220            | 0                           | 220           | 0                           |
| 9   | Thịt gà công nghiệp (lông trắng) | 1.000 đ/kg  | 50           | 0                           | 55             | 0                           | 45             | 0                           | 48            | 0                           |
| 10  | Thịt gà tam hoàng (lông màu)     | 1.000 đ/kg  | 70           | 0                           | 75             | 0                           | 57             | 0                           | -             | -                           |
| 11  | Đường trắng RE (Biên Hòa)        | 1.000 đ/kg  | 21           | 0                           | 20             | 0                           | 20             | 0                           | 19            | 0                           |
| 12  | Cá lóc (loại 0,5kg/con)          | 1.000 đ/kg  | 70           | 0                           | 60             | 0                           | 60             | 0                           | 60            | 0                           |
| 13  | Cá diêu hồng                     | 1.000 đ/kg  | 65           | 0                           | 60             | 0                           | 50             | 0                           | 47            | 0                           |
| 14  | Giò lụa                          | 1.000 đ/kg  | 100          | 0                           | 70             | 0                           | 130            | 0                           | 80            | 0                           |
| 15  | Lạp xưởng Vissan (loại 1)        | 1.000 đ/kg  | 160          | 0                           | 220            | 0                           | 200            | 0                           | -             | -                           |
| 16  | Dầu ăn Tường An                  | 1.000 đ/lít | 33           | 0                           | 31             | 0                           | 35             | 0                           | 33            | 0                           |
| 17  | Bột ngọt Ajinomoto (453gr)       | 1.000 đ/kg  | 28           | 0                           | 28             | 0                           | 28             | 0                           | 28            | 0                           |
| 18  | Mực (loại phổ biến)              | 1.000 đ/kg  | 130          | 0                           | 165            | 0                           | 150            | 0                           | 200           | 0                           |
| 19  | Tôm (loại phổ biến)              | 1.000 đ/kg  | 180          | 0                           | 150            | 0                           | 220            | 0                           | 200           | 0                           |
| 20  | Bắp cải                          | 1.000 đ/kg  | 15           | 0                           | 10             | 0                           | 8              | 0                           | 8             | 0                           |
| 21  | Khoai tây                        | 1.000 đ/kg  | 30           | 0                           | 18             | 0                           | 15             | 0                           | 13            | 0                           |
| 22  | Cà rốt                           | 1.000 đ/kg  | 25           | 0                           | 18             | 0                           | 15             | 0                           | 13            | 0                           |

|    |                               |                 |    |   |    |   |    |   |    |   |
|----|-------------------------------|-----------------|----|---|----|---|----|---|----|---|
| 23 | Bí xanh                       | 1.000 đ/kg      | 20 | 0 | 20 | 0 | 10 | 0 | 15 | 0 |
| 24 | Đậu xanh (đã chà vỏ)          | 1.000 đ/kg      | 35 | 0 | 32 | 0 | 40 | 0 | 30 | 0 |
| 25 | Trứng gà công nghiệp (loại 1) | 1.000 đ/10trứng | 25 | 0 | 20 | 0 | 20 | 0 | 25 | 0 |
| 26 | Trứng vịt (loại 1)            | 1.000 đ/10trứng | 30 | 0 | 32 | 0 | 28 | 0 | 25 | 0 |
| 27 | Sữa ông Thọ                   | 1.000 đ/hộp     | 21 | 0 | 20 | 0 | 21 | 0 | 21 | 0 |

## II. Giá một số mặt hàng khác

| II. Giá một số mặt hàng khác |                                                                                                |                                             |                    |                 | ĐVT     | Ngày 29/5 | Tăng, giảm so với ngày 28/5 |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|-----------------|---------|-----------|-----------------------------|
| STT                          | Mặt hàng                                                                                       |                                             |                    |                 |         |           |                             |
| 1                            | Xăng dầu Petrolimex                                                                            | Xăng không chì RON A95                      |                    | đ/lít           | 21.510  | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Xăng sinh học E5                            |                    |                 | 19.940  | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Dầu DO 0,05S                                |                    |                 | 17.690  | 0         |                             |
| 2                            | Gas Sài Gòn Petro (12kg/bình)                                                                  |                                             |                    | đ/bình          | 327.000 | 0         |                             |
| 3                            | Muối iot (Tập đoàn muối Ninh Thuận)                                                            |                                             |                    | ngàn đ/kg       | 5       | 0         |                             |
| 4                            | Heo hơi (> 80kg/con)                                                                           | Giá heo hơi (giá heo chuẩn)<br>(Công ty CP) |                    | ngàn đ/kg       | 48      | 0         |                             |
| 5                            | Thóc (lúa)                                                                                     |                                             |                    | ngàn đ/kg       | 8       | 0         |                             |
| 6                            | Phân bón                                                                                       | UREA Phú Mỹ                                 | Thành phố Biên Hòa | ngàn đ/bao 50kg | 440     | 0         |                             |
|                              |                                                                                                |                                             | Thị xã Long Khánh  |                 | 390     | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | NPK Việt Nhật                               | Thị xã Long Khánh  |                 | 495     | 0         |                             |
| 7                            | Xi măng, thép<br>(Cửa hàng tại Thị xã Long Khánh)                                              | Hà Tiên I - 50 kg                           |                    | ngàn đ/bao 50kg | 86      | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Sao Mai                                     |                    |                 | 83      | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Thép (phi 6 Vicasa)                         |                    | ngàn đ/kg       | 13,7    | 0         |                             |
| 8                            | Thuốc bảo vệ thực vật<br>(Thị xã Long Khánh)                                                   | Thuốc trừ sâu (loại phổ biến) Sherpa        |                    | ngàn đ/lọ       | 30      | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Thuốc trừ cỏ (loại phổ biến) Gramoxone      |                    | ngàn đ/lọ 1 Lít | 95      | 0         |                             |
| 9                            | Thuốc thú y                                                                                    | Vaccin kép                                  |                    | ngàn đ/lọ       | 35      | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Vaccin rời                                  |                    |                 | 19      | 0         |                             |
| 10                           | Thức ăn chăn nuôi (Cám loại 25kg /bao) của Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình huyện Long Thành | Cám dành cho heo từ tập ăn đến 15kg.        |                    | ngàn đ/bao 25kg | 385     | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Cám dành cho heo từ 15 – 30 kg              |                    |                 | 220     | 0         |                             |
|                              |                                                                                                | Cám dành cho heo từ 60 kg đến xuất chuồng   |                    |                 | 210     | 0         |                             |

## III. Giá thu mua một số mặt hàng nông sản

| STT | Mặt hàng | Địa bàn    | ĐVT       | Ngày 29/5 | Tăng, giảm so với ngày 28/5 |
|-----|----------|------------|-----------|-----------|-----------------------------|
| 1   | Tiêu     | Long Khánh | ngàn đ/kg | 60        | 0                           |
| 2   | Cà phê   | Long Khánh | ngàn đ/kg | 36        | 0                           |
| 3   | Bắp      | Long Khánh | ngàn đ/kg | 8         | 0                           |

### **Đánh giá chung:**

Giá một số mặt hàng thiết yếu ngày 29/5/2018 tại các chợ trên địa bàn tỉnh ổn định.

Trên đây là báo cáo nhanh giá cả một số mặt hàng ngày 29/5/2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
  - UBND tỉnh;
  - Đài truyền hình Đồng Nai; } (thông tin)
  - Báo Đồng Nai;
  - Sở Tài Chính;
  - Sở Thông tin và Truyền thông;
  - Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai;
  - Lãnh đạo Sở Công Thương;
  - Lưu: VT, TM.
- <BaoGia/29/5/2018>

**TL. GIÁM ĐỐC**  
**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Ngọc Diệu**